

## Листа по носитељству

| Бр | Име                    | ФидеИД | ФЕД |
|----|------------------------|--------|-----|
| 1  | Đặng Quốc Tân,         |        | VIE |
| 2  | Đỗ Phúc An Khang,      |        | VIE |
| 3  | Hà Minh Anh W,         |        | Tan |
| 4  | Hà Minh Khang,         |        | VIE |
| 5  | Lâm Bảo Khang,         |        | CTT |
| 6  | Lê Sỹ Mạnh Đức,        |        | STC |
| 7  | Ngô Phúc An Duy,       |        | BNI |
| 8  | Ngô Thùy Dương W,      |        | CTT |
| 9  | Nguyễn Bảo Khôi,       |        | Tan |
| 10 | Nguyễn Bảo Nam,        |        | Tan |
| 11 | Nguyễn Bích Tâm W,     |        | TNV |
| 12 | Nguyễn Đăng Lâm,       |        | VIE |
| 13 | Nguyễn Gia Huy,        |        | Tan |
| 14 | Nguyễn Gia Khôi,       |        | VIE |
| 15 | Nguyễn Hà An W,        |        | Tan |
| 16 | Nguyễn Hải Phong,      |        | TNV |
| 17 | Nguyễn Minh Châu W,    |        | VIE |
| 18 | Nguyễn Nhật Anh,       |        | VIE |
| 19 | Nguyễn Phú Hoàng Anh,  |        | Tan |
| 20 | Nguyễn Quang Danh,     |        | CTT |
| 21 | Nguyễn Tuấn Huy,       |        | VIE |
| 22 | Nguyễn Viết Hà Anh W,  |        | CTT |
| 23 | Ninh Quang Khánh,      |        | TNV |
| 24 | Nông Võ Trâm Anh W,    |        | VIE |
| 25 | Phạm Chí Huấn,         |        | VIE |
| 26 | Phạm Hải Nam (CVA),    |        | IQ- |
| 27 | Phạm Hải Nam 2 (Vin),  |        | IQ- |
| 28 | Phạm Ngọc Minh,        |        | VIE |
| 29 | Phạm Ngọc Trí Đức,     |        | Tan |
| 30 | Phạm Xuân Trường,      |        | VIE |
| 31 | Thạch Minh Khang,      |        | IQ- |
| 32 | Thạch Minh Khang,      |        | VIE |
| 33 | Trần Gia Vũ,           |        | Tan |
| 34 | Trần Hoàng Hải,        |        | KTT |
| 35 | Trần Hữu Nhật Minh,    |        | VIE |
| 36 | Trần Minh Đức,         |        | VIE |
| 37 | Trần Nhật Minh,        |        | VIE |
| 38 | Trịnh Vương Tuấn Minh, |        | VIE |
| 39 | Trương Minh Đức,       |        | VIE |
| 40 | Trương Thảo Quỳnh W,   |        | VIE |
| 41 | Vũ Trần Khánh Giang W, |        | VIE |